PL 0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC XÂY DỰNGJ NÔNG THÔN MỚI

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Kế hoạch huy động năm 2023																				Kết quả thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm 2023																							
			Tổng cộng	Kế vốn NSTW bố trí trực tiếp				Kế vốn NS Tỉnh bố trí trực tiếp				Kế vốn NS huyện bố trí trực tiếp				Kế vốn NS huyện bố trí trực tiếp				Vốn lồng ghép từ các CT khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động doanh nghiệp	Vốn huy động nhân dân	Khối lượng thực hiện	Tổng cộng	Vốn NSTW bố trí trực tiếp				Vốn NS Tỉnh bố trí trực tiếp				Vốn NS huyện bố trí trực tiếp				Vốn NS xã bố trí trực tiếp				Vốn lồng ghép từ các CT khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động doanh nghiệp	Vốn huy động nhân dân
				KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 2022 chuyển		KH vốn năm 2023							KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023		KH vốn năm 2022 chuyển sang		KH vốn năm 2023					
				ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN						ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN				
	Tổng cộng		**22,283.185**	**8,720.569**	**412.617**	**10,000.000**	**3,150.000**	-	-	-	-	-	-	**3,700**	**5,006**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**4,456.180**	-	-	**11.940**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lập quy hoạch NTM	Xã	-																																										
2	Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	DA	*400.000*	-	-	-	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		*400.000*				*400.000*																																					
3	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Trđ	*600.000*	-	100.000		500.000																																					
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		*600.000*		*100.000*		*500.000*																																					
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	Trđ	-																																									
5	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM	MH	*100.000*		100.000																																						
	Phòng Văn hóa và Thông tin		*100.000*		*100.000*																																						
6	Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông NTM, hướng tới NTM thông minh	Trđ	*200.000*				200.000																																					
	Phòng Văn hóa và Thông tin		*200.000*				*200.000*																																					
7	Các hoạt động về nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong XD NTM	Trđ	-																																									
8	Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ CB làm công tác XD NTM các cấp, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của người dân, cộng đồng	Trđ	*50.000*				50.000																																					
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		*50.000*				*50.000*																																					
9	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua XD NTM"	Trđ	-																																									
10	Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong XD NTM	Trđ	*1,019.403*	-	19.403	-	1,000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phòng Nông nghiệp và PTNT		*19.403*		*19.403*																																							
	Xã Đăk Rơ Ông		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Ngok Lây		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Tu Mơ Rông		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Đăk Hà		*100.000*				*100.000*																																					
	Xã Ngok Yêu		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Tê Xăng		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Măng Ri		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Đăk Tờ Kan		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Đăk Sao		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Đăk Na		*90.000*				*90.000*																																					
	Xã Văn Xuôi		*90.000*				*90.000*																																					
11	Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong XD NTM	Trđ	*50.000*				50.000																																					
	Công an huyện		*50.000*				50.000																																					
12	Kinh phí quản lý Chương trình	Trđ	*253.070*	-	3.06957	-	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phòng Nông nghiệp và PTNT		*88.070*		*3.06957*		*85.000*																																					
	Xã Đăk Rơ Ông		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Ngok Lây		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Tu Mơ Rông		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Đăk Hà		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Ngok Yêu		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Tê Xăng		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Măng Ri		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Đăk Tờ Kan		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Đăk Sao		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Đăk Na		*15.000*				*15.000*																																					
	Xã Văn Xuôi		*15.000*				*15.000*																																					
13	Các hoạt động khác tại các địa phương (sử dụng vốn sự nghiệp)	Trđ	*890.144*	-	190.144	-	700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Đăk Rơ Ông		*52.144*		*0.144*		*52.000*																																					
	Xã Ngok Lây		*52.000*				*52.000*																																					
	Xã Đăk Hà		*544.000*				*544.000*																																					
	Xã Măng Ri		*242.000*		*190.000*		*52.000*																																					
14	Giao thông nông thôn	Km	*12,220.569*	7,670.569	-	4,550.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,006.180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đường đi khu sản xuất Đăk Ter thôn Kon Pia (đoạn từ nhà Nguyễn Hữu Hiệp)		*850.000*			*850.000*																																							
	Đường đi khu sản xuất Tê Tri thôn Ngọc Leang (đoạn từ nhà Y Hnon)		*800.000*			*800.000*																																							
	Đường nội thôn Đăk Pơ Trang		*500.000*			*500.000*																																							
	Đường nội thôn ĐăK Hà (Đoạn vào nhà Bek)		*200.000*			*200.000*																																							
	Đường đi khu sản xuất Te Pô Bó thôn Đăk Pơ Trang (đoạn nối tiếp)		*600.000*			*600.000*																																							
	Đường đi khu sản xuất Ter Rậ thôn Đăk Siêng (đoạn từ rẫy nhà A Hun)		*800.000*			*800.000*																																							
	Đường nội thôn Long Hy		*800.000*			*800.000*																																							
	Đường trục đi KSX thôn Kon Hia 1 (Đoạn chân đèo vân loan đoạn nối tiếp)		*2.502*	*2.502*																																									
	Đường đi KSX thôn La Giăng (Đoạn tiếp giáp với đường 4 xã phía tây)		*1.395*	*1.395*																																									
	Đường đi khu Sản xuất thôn Tu Bung (Đoạn nối đường bê tông - đi khu sản xuất thôn Tu Bung)		*6.545*	*6.545*																																									
	Đường nội thôn Đăk Xia (sửa chữa nâng cấp đường nội thôn đoạn nối QL 40b đi làng Kó Xia I cũ)		*16.236*	*16.236*																																									
	Đường trục chính nội thôn Lộc Bông(Đoạn nối tiếp đường bê tông nội thôn Lộc Bông)		*1.403*	*1.403*																																									
	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Ka tập trung		*3.598*	*3.598*																						*906.000*																				
	Đường trục chính nội đồng thôn Tu cấp nhánh cánh đồng Te Reng		*2.568*	*2.568*																						*800.000*																				
	Đường đi thôn Ba Tu 3, xã Ngọk Yêu		*906.000*	*906.000*																						*1,256.000*																				

	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Long Lây 2, xã Ngok Yêu		*800.000*	*800.000*																																									
	Đường đi khu sản xuất thôn Tân Ba		*1,256.000*	*1,256.000*																																									
	Đường đi khu sản xuất Long Hy (đoạn nối tiếp Ailen)		*900.000*	*900.000*																																									
	Đường đi khu sản xuất Irit thôn Ngọc La (đoạn 1)		*806.000*	*806.000*																																									
	Đường đi khu sx Kon Hnông 1 (đoạn nối tiếp)		*1,046.000*	*1,046.000*																							*1,041.640*																			
	Đường đi khu sx Đăk Trăng 2 (đoạn nối tiếp)		*660.000*	*660.000*																																									
	Đường nội thôn Kạch Nhỏ (đoạn nhà A Nuân)		*2.850*	*2.850*																																									
	Đường trục thôn Mô Bành 2 (đoạn nối tiếp)		*13.471*	*13.471*																							*2.540*																			
	Đường nội thôn Hà Lăng và hệ thống thoát nước (Đoạn vào nhà rông văn hóa thôn)		*440.000*	*440.000*																																									
	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Văn 1 (nhánh 3)		*806.000*	*806.000*																																									
15	Thuỷ lợi nội đồng	CT	*5,000.000*	-	-	5,000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Tea Prea thôn Kon Ling		*1,000.000*			*1,000.000*																																								
	Thủy lợi Long Va, thôn Chung Tam (làm mới đập đầu mối và kênh)		*2,000.000*			*2,000.000*																																								
	Thủy lợi Ti Neang, thôn Pu Tă (làm mới đập đầu mối và kênh)		*2,000.000*			*2,000.000*																																								
			-																																											
16	Điện sinh hoạt	CT	-																																											
17	Trường học các cấp	CT	-																																											
18	Nhà văn hoá xã	CT	-																																										
19	Nhà văn hoá thôn	CT	-																																										
20	Khu thể thao xã, thôn	CT	*450.000*	-	-	450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Sân thể thao thôn Kon Pia		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Ngọc Leang		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Đăk Siêng		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Tu Mơ Rông		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Đăk Pơ Trang		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Kon Ling		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Tỷ Tu		*50.000*			*50.000*																																								
	Sân thể thao thôn Đăk Hà		*50.000*			*50.000*																																								
	Khu thể thao thôn Pu Tă		*50.000*			*50.000*																																								
21	Chợ nông thôn	CT	-																																											
22	Bưu điện văn hoá xã	CT	-																																											
23	Nhà ở dân cư (xoá nhà tạm	Nhà	-																																										
24	Xây dựng hạ tầng khu sản xuất tập trung	trđ	-																																										
25	Đầu tư hạ tầng các hợp tác xã	HTX	-																																										
26	Trạm y tế xã	CT	-																																										
27	Công trình nước sinh hoạt	CT	*1,050.000*	1,050.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Giếng đào (15 cái), xã Tê Xăng		*450.000*	*450.000*																						*450.000*																			
	Giếng đào thôn Kạch Lớn 1, Kạch Lớn 2		*600.000*	*600.000*																																									
28	Các nội dugn khác (sử dụng vốn ĐTPT)	Trđ	-																																									